



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

M.S.D.



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mậu Hào	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Công Văn	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Ông Lê Tùng Định	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Mậu Hào - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Nguyễn Mậu Hào

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Số: 032301/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lệ Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày lập Báo cáo tài chính 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện thanh lý Tài sản cố định là 175,29 hecta vườn cao su và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ số tiền là 1.162.812.392 đồng. Đây là Tài sản cố định được nhà nước bàn giao và không được tính vào giá trị doanh nghiệp tại ngày chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang cổ phần hóa. Công ty đã thực hiện ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm 2021 với số tiền là 1.162.812.392 đồng. Việc ghi giảm chi phí như trên làm cho chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh tăng lên số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày lập Báo cáo tài chính năm 2021, Công ty chưa thực hiện ghi tăng Tài sản cố định là hai dự án đường vào vườn cao su đã được hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2019 với số tiền là 2.825.981.817 đồng. Nếu được ghi nhận đầy đủ thì chỉ tiêu Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình và chỉ tiêu Hao mòn Tài sản cố định hữu hình trên Bảng cân đối kế toán tăng lên với số tiền lần lượt là 2.825.981.817 đồng và 423.897.273 đồng. Đồng thời chỉ tiêu Chi phí Xây dựng cơ bản giảm đi số tiền là 2.402.084.544.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 69.762.880.057 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế (AC) với báo cáo kiểm toán đề ngày 18 tháng 03 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.636.497.321	7.919.471.224
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.183.061.292	222.514.528
1. Tiền	111		3.183.061.292	222.514.528
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.438.566.185	4.216.502.886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	666.069.150	3.204.016.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.921.400	122.285.872
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	130.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	630.575.635	890.200.645
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	6.014.869.844	3.466.422.053
1. Hàng tồn kho	141		6.923.060.636	3.466.422.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(908.190.792)	-
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	14.031.757
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	-	14.031.757
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.945.867.967	232.975.259.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		571.847.400	518.132.200
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	571.847.400	518.132.200
I. Tài sản cố định	220		93.412.803.934	60.003.963.761
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92.959.934.107	59.530.508.942
- Nguyên giá	222		168.815.162.669	132.379.825.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.855.228.562)	(72.849.316.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	452.869.827	473.454.819
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(530.611.944)	(510.026.952)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		148.608.734.272	171.879.568.130
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	148.608.734.272	171.879.568.130
III. Tài sản dài hạn khác	260		352.482.361	573.594.979
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	352.482.361	573.594.979
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253.582.365.288	240.894.730.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		169.356.241.651	156.658.758.407
I. Nợ ngắn hạn	310		80.399.377.378	53.844.601.407
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	17.617.803.681	15.728.706.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	270.460.607	50.001.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	1.087.176.345	808.398.753
4. Phải trả người lao động	314		5.235.419.200	4.705.312.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.318.357.493	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.600.494.272	3.186.845.556
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	49.016.674.712	28.987.876.341
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.252.991.068	377.460.113
II. Nợ dài hạn	330		88.956.864.273	102.814.157.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	462.727.273	400.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	33.100.000	13.100.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	88.461.037.000	102.401.057.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.226.123.637	84.235.971.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	83.380.296.162	83.267.604.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.300.670.000	82.300.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.300.670.000	82.300.670.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		238.881.739	166.006.608
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		840.744.423	800.927.476
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		840.744.423	800.927.476
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		845.827.475	968.367.803
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		845.827.475	968.367.803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		253.582.365.288	240.894.730.294



Nguyễn Thị Liên
 Người lập
 Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022



Lê Doãn Hiếu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Mậu Hào
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		97.097.357.807	73.050.205.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	97.097.357.807	73.050.205.661
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.894.369.059	62.497.289.863
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.202.988.748	10.552.915.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	56.036.870	54.468.717
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.035.314.525	2.353.764.777
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.035.314.525	2.353.764.777
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.683.751.800	4.137.836.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.051.245.964	3.896.528.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(511.286.671)	219.255.101
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.587.601.249	1.224.810.214
12. Chi phí khác	32		-	482.075.351
13. Lợi nhuận khác	40		1.587.601.249	742.734.863
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.076.314.578	961.989.964
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	235.570.155	161.062.488
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		840.744.423	800.927.476
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	46	44
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	46	44


Nguyễn Thị Liên
Người lập


Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022


Lê Doãn Hiếu
Kế toán trưởngNguyễn Mậu Hào
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	107.670.175.628	72.155.872.214
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.373.415.638)	(43.576.565.689)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.134.477.430)	(18.643.264.372)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.774.773.942)	(2.353.764.777)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(341.531.602)	(306.527.887)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.537.800.925	6.904.169.671
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.841.735.470)	(14.798.984.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.742.042.471	(619.065.244)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.261.695.733)	(8.960.081.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.068.440.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(277.215.200)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	93.500.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.036.870	54.468.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.320.934.063)	(8.905.612.818)
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.978.832.500	55.102.779.200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.890.054.129)	(46.821.186.401)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(549.340.015)	(586.762.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.539.438.356	7.694.830.549
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.960.546.764	(1.829.847.513)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	222.514.528	2.052.362.041
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.183.061.292	222.514.528


Nguyễn Thị Liên
Người lập

Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022


Lê Doãn Hiếu
Kế toán trưởng


Nguyễn Mậu Hào
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH do Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/04/2020.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su, chế biến và tiêu thụ gỗ dăm.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy chế biến Dăm gỗ.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc Tế (AC).

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 422 người (số nhân viên tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 457 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 69.762.880.057 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam để gia hạn, cơ cấu lại lịch trả nợ các khoản vay. Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình sẽ cơ cấu lại lịch trả nợ cho Công ty trong năm 2022.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01, và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Vườn cây lâu năm	04 - 20
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	89.414.510	68.955.650
Tiền gửi ngân hàng	3.093.646.782	153.558.878
Cộng	3.183.061.292	222.514.528

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh nghiệp Cao su Thanh Long	213.750.000	313.750.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	171.194.764	171.194.764
Công ty TNHH và Chế biến Lâm sản Thăng Hà	118.751.500	-
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	2.616.809.120
Các đối tượng khác	162.372.886	102.262.485
Cộng	666.069.150	3.204.016.369

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trần Văn Định	11.921.400	80.002.000
Công ty TNHH cơ khí thương mại An Phúc	-	14.743.872
Các đối tượng khác	-	27.540.000
Cộng	11.921.400	122.285.872

4. Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	91.038.678	231.771.278
Ký quỹ, ký cược	6.060.010	6.060.010
Phải thu khác	533.476.947	652.369.357
Cộng	630.575.635	890.200.645

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Trần Công Văn	130.000.000	-
Cộng	130.000.000	-
b. Dài hạn		
Hoàng Thị Liên	137.911.100	141.824.700
Lê Văn Quang	137.949.400	145.835.800
Hoàng Minh Đức	132.399.500	143.610.300
Đối tượng khác	163.587.400	86.861.400
Cộng	571.847.400	518.132.200

(*) Các khoản cho vay cá nhân lãi suất cho vay từ 8,55% đến 9,5%. Lãi suất sau đó sẽ được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng từng thời điểm. Mục đích cho vay để làm công trình nhà ở của cá nhân, tài sản thế chấp là công trình nhà ở sau khi hoàn thiện xong. Các cá nhân sẽ bàn giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.254.639.054	-	353.012.296	-
Công cụ, dụng cụ	495.467.473	-	294.905.313	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.101.478.659	-	75.837.852	-
Thành phẩm	3.071.475.450	908.190.792	2.742.666.592	-
Cộng	6.923.060.636	908.190.792	3.466.422.053	-

7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ được khấu trừ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.031.757	-	14.031.757
Cộng	-	14.031.757	-	14.031.757
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	848.659.004	6.752.117.841	6.601.366.386	697.907.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.908.871	235.570.155	116.062.488	109.401.204
Thuế thu nhập cá nhân	8.518.470	19.062.530	10.544.060	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	587.214.453	587.214.453	-
Thuế tài nguyên	1.090.000	76.667.261	76.667.261	1.090.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	41.077.120	41.077.120	-
Cộng	1.087.176.345	7.711.709.360	7.432.931.768	808.398.753

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Vườn cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	49.933.622.564	16.627.369.300	5.312.332.689	867.154.545	59.503.395.692	135.950.800	132.379.825.590
Mua trong năm	486.147.823	156.393.454	-	-	-	-	642.541.277
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	40.470.585.440	-	40.470.585.440,0
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(500.000.000)	-	(4.177.789.638)	-	(4.677.789.638)
Số dư cuối năm	50.419.770.387	16.783.762.754	4.812.332.689	867.154.545	95.796.191.494	135.950.800	168.815.162.669
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	29.870.038.237	7.120.778.543	3.347.724.720	524.536.332	31.850.288.016	135.950.800	72.849.316.648
Khấu hao trong năm	1.734.457.736	1.115.026.163	340.495.348	54.547.272	3.878.092.674	-	7.122.619.193
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(500.000.000)	-	(3.616.707.279)	-	(4.116.707.279)
Số dư cuối năm	31.604.495.973	8.235.804.706	3.188.220.068	579.083.604	32.111.673.411	135.950.800	75.855.228.562
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	20.063.584.327	9.506.590.757	1.964.607.969	342.618.213	27.653.107.676	-	59.530.508.942
Số dư cuối năm	18.815.274.414	8.547.958.048	1.624.112.621	288.070.941	63.684.518.083	-	92.959.934.107

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 11.672.986.050 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 12.803.825.514 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 13.898.701.391 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 16.544.851.445 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu năm	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Số dư cuối năm	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	216.142.417	167.520.900	126.363.635	510.026.952
Khấu hao trong năm	20.584.992	-	-	20.584.992
Số dư cuối năm	236.727.409	167.520.900	126.363.635	530.611.944
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	473.454.819	-	-	473.454.819
Số dư cuối năm	452.869.827	-	-	452.869.827

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31-tháng 12 năm 2021 là 293.884.535 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 293.884.535 đồng).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Quảng Bình	6.722.219.260	6.722.219.260	6.722.219.260	6.722.219.260
Chi nhánh Quảng Bình-Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Giar	2.840.405.000	2.840.405.000	1.828.905.000	1.828.905.000
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Vàng Ngọc Phương	1.054.372.891	1.054.372.891	1.150.902.391	1.150.902.391
Trần Thanh Nam	2.335.545.000	2.335.545.000	-	-
Các đối tượng khác	4.665.261.530	4.665.261.530	6.026.680.193	6.026.680.193
Cộng	17.617.803.681	17.617.803.681	15.728.706.844	15.728.706.844

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng BìnhMẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vườn cây cao su (*)	145.742.378.012	168.467.822.740
Xây dựng lò hơi tại nhà máy chế biến cao su	40.374.443	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.825.981.817	3.411.745.390
Cộng	148.608.734.272	171.879.568.130

(*) Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	150.609.320	212.968.434
Chi phí trả trước khác	201.873.041	360.626.545
Cộng	352.482.361	573.594.979

13. Người mua trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH xây dựng và DVTM Tài Lộc Phát	166.959.792	-
Trần Văn Tiến	73.400.000	-
Công ty TNHH TMDV chế biến gỗ Nhật Quang	29.978.000	29.978.000
Đối tượng khác	122.815	20.023.500
Cộng	270.460.607	50.001.500

14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê mái nhà xưởng	272.727.273	400.000.000
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đất	190.000.000	-
Cộng	462.727.273	400.000.000

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.174.368.156	-
Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	2.089.002.373	-
Công ty TNHH Gốm sứ Đức Huân	44.186.964	-
Các khoản khác	10.800.000	-
Cộng	4.318.357.493	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	528.310.854	335.917.270
Phải trả Công ty mua bán nợ về thanh lý TSCĐ khi cổ phần hóa	341.742.926	1.501.498.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	48.000.000
Các khoản phải trả khác	660.440.492	1.301.429.294
Cộng	1.600.494.272	3.186.845.556
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	33.100.000	13.100.000
Cộng	33.100.000	13.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh
Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	23.626.674.712	23.626.674.712	38.028.832.500	36.690.034.129	22.287.876.341	22.287.876.341
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	17.982.929.512	17.982.929.512	28.260.000.000	26.266.677.529	15.989.607.041	15.989.607.041
Vay cá nhân (ii)	5.643.745.200	5.643.745.200	9.768.832.500	10.423.356.600	6.298.269.300	6.298.269.300
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.18)	25.390.000.000	25.390.000.000			6.700.000.000	6.700.000.000
Cộng	49.016.674.712	49.016.674.712			28.987.876.341	28.987.876.341

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3800-LAV-202100245 ngày 16/3/2021. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 15 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 15/3/2022, thời hạn mỗi khoản vay tối đa là 10 tháng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất vay theo Giấy nhận nợ từng thời điểm giải ngân tiền vay, điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/8/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018, hợp đồng thế chấp số 159/2019/HĐTC ngày 25/6/2019.

(ii) Các khoản vay cá nhân, tổ chức với thời hạn dưới 1 năm, lãi suất theo thỏa thuận trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh
Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	113.851.037.000	113.851.037.000	4.950.000.000	200.020.000	109.101.057.000	109.101.057.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	36.949.805.000	36.949.805.000	3.000.000.000	-	33.949.805.000	33.949.805.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	76.050.000.000	76.050.000.000	1.950.000.000	100.000.000	74.200.000.000	74.200.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Bình (iii)	391.645.000	391.645.000	-	100.020.000	491.665.000	491.665.000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình (iv)	459.587.000	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
Cộng	113.851.037.000	113.851.037.000	4.950.000.000	200.020.000	109.101.057.000	109.101.057.000
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	25.390.000.000	25.390.000.000			6.700.000.000	6.700.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	2.370.000.000	2.370.000.000			-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	23.020.000.000	23.020.000.000			6.700.000.000	6.700.000.000
Cộng vay dài hạn	88.461.037.000	88.461.037.000			102.401.057.000	102.401.057.000

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo các hợp đồng sau:

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 3800-LAV-202000958 ngày 16/11/2020. Tổng tiền vay là 15 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su KTCB năm 2020-2021 và các khoản chi phí khác của Công ty. Lãi suất vay 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân tiền vay, sau 12 tháng áp dụng theo quy định của ngân hàng. Nợ gốc trả theo kỳ hạn 6 tháng, bắt đầu từ ngày 16/11/2024 theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/8/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018, hợp đồng thế chấp số 159/2019/HĐTC ngày 25/6/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTĐ ngày 1/9/2016 và các hợp đồng sửa đổi số 99A/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017, số 222-1/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018. Tổng tiền vay là 22 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày 1/9/2016. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su KTCB năm 2016-2022 của Công ty. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần theo quy định của ngân hàng. Nợ gốc trả 6 tháng một lần theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/8/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018."

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 05/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 22/8/2014 và hợp đồng sửa đổi số 09/2016/HĐTĐĐT-NHPT ngày 21/9/2016. Tổng tiền vay là 81,6 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 7 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng. Tiền vay được sử dụng để trồng mới và chăm sóc 450 ha cao su của Công ty. Lãi suất vay theo Giấy nhận nợ từng thời điểm giải ngân tiền vay. Nợ gốc trả theo tháng, mỗi tháng 1,36 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư quy định cụ thể theo hợp đồng bảo đảm tiền vay số 03/2014/HĐTCTSGLVĐ-NHPT ngày 22/8/2014 và 04/2014/HĐTCTS-NHPT ngày 22/8/2014.
- (iii) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 37051/20MN/HĐTĐ ngày 5/11/2020. Tổng tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 9,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng một lần theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 73B-01195.
- (iv) Khoản vay của Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình, được đối chiếu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2015. Khoản vay không phát sinh, không tính lãi vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	25.390.000.000	6.700.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ mười	88.461.037.000	102.401.057.000
Cộng	113.851.037.000	109.101.057.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	25.390.000.000	6.700.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	88.461.037.000	102.401.057.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****19. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	82.300.670.000	108.000.000	1.026.058.953	83.434.728.953
Lãi trong năm	-	-	800.927.476	800.927.476
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.026.058.953)	(1.026.058.953)
Trích lập các quỹ	-	58.006.608	-	58.006.608
Số dư đầu năm nay	82.300.670.000	166.006.608	800.927.476	83.267.604.084
Lãi trong năm	-	-	840.744.423	840.744.423
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	72.875.131	(72.875.131)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(288.052.345)	(288.052.345)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(440.000.000)	(440.000.000)
Số dư cuối năm nay	82.300.670.000	238.881.739	840.744.423	83.380.296.162

(*) Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển, chia cổ tức theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 421/2021/BB-DHDCD ngày 02/06/2021 về việc phân phối lợi nhuận năm 2020.

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.230.067	8.230.067
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.230.067	8.230.067
- Cổ phiếu phổ thông	8.230.067	8.230.067

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn nhà nước	74.683.670.000	74.683.670.000
Công đoàn Công ty	100.000.000	473.000.000
Cán bộ Công nhân viên	7.507.000.000	7.134.000.000
Cổ đông khác	10.000.000	10.000.000
Tổng	82.300.670.000	82.300.670.000

20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su, chế biến và tiêu thụ gỗ dăm, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	97.063.116.807	72.925.288.253
Doanh thu hoạt động khác	34.241.000	124.917.408
Cộng	97.097.357.807	73.050.205.661

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	83.895.749.872	62.434.479.167
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	908.190.792	-
Giá vốn hoạt động khác	90.428.395	62.810.696
Cộng	84.894.369.059	62.497.289.863

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.036.870	54.468.717
Cộng	56.036.870	54.468.717

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.035.314.525	2.353.764.777
Cộng	2.035.314.525	2.353.764.777

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng BìnhMẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.683.751.800	4.137.836.400
Cộng	5.683.751.800	4.137.836.400

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản trích theo lương	2.864.555.190	1.594.898.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.888.301	664.233.017
Chi phí công cụ dụng cụ	124.396.798	225.322.952
Thuế, phí và lệ phí	31.006.026	57.196.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.757.000	155.321.487
Chi phí bằng tiền khác	1.304.912.649	1.199.555.258
Cộng	5.046.515.964	3.896.528.237

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	725.711.075	-
Tiền cho thuê, quản lý tài sản	690.267.171	862.304.091
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	137.154.200	-
Các khoản thu nhập khác	34.468.803	362.506.123
Cộng	1.587.601.249	1.224.810.214

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.076.314.578	961.989.964
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	101.536.195	188.456.376
Các khoản chi không được trừ	101.536.195	188.456.376
Thu nhập chịu thuế	1.177.850.773	1.150.446.340
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN	235.570.155	230.089.268
Thuế TNDN được giảm theo nghị định 116/2020	-	69.026.780
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	235.570.155	161.062.488

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng BìnhMẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu :**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	840.744.423	800.927.476
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(461.873.961)	(440.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	378.870.462	360.927.476
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.230.067	8.230.067
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	46	44
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

(*) Căn cứ Biên bản họp ngày 02 tháng 06 năm 2021 số 421/2021/BB-DHDCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	800.927.476	-	800.927.476
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(440.000.000)	(440.000.000)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	800.927.476	(440.000.000)	360.927.476
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.230.067	-	8.230.067
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	97		44

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.664.449.651	56.810.690.489
Chi phí nhân công	20.735.758.654	17.342.556.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.009.579.949	4.708.356.851
Chi phí dự phòng	908.190.792	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.027.420.147	-
Chi phí khác bằng tiền	3.496.360.334	7.430.105.198
Cộng	118.841.759.527	86.291.709.377

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 42.978.832.500 đồng.

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 36.890.054.129 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,
tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Ông Nguyễn Mậu Hào

Ông Lê Thanh Hùng

Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc và ban kiểm soát

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giám đốc

Giao dịch với bên liên quan

Không có giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND
Ông Nguyễn Mậu Hào	322.688.800
Ông Lê Thanh Hùng	249.084.000
Ông Trần Công Văn	238.293.600
Ông Lê Hồng Sơn	169.496.000
Bà Hoàng Thị Phương	211.993.000
Ông Phạm Ngọc Thành	102.969.100
Tổng	1.381.903.900

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế (AC).

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Bảng Cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

Phân loại lại:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại	Số sau phân loại lại VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.989.607.041	12.998.269.300	28.987.876.341
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	115.399.326.300	(12.998.269.300)	102.401.057.000

Nguyễn Thị Liên
Người lập

Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Lê Doãn Hiếu
Kế toán trưởngNguyễn Mậu Hào
Chủ tịch Hội đồng Quản trị